

Số: 147/BC-SLĐTBXH

Thừa Thiên Huế, ngày 26 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 và dự kiến Kế hoạch năm 2024 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế

Thực hiện Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 28/02/2023 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 và các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 và dự kiến Kế hoạch năm 2024, cụ thể như sau:

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2023

I. Công tác chỉ đạo, điều hành; hoạt động truyền thông, thông tin

1. Công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện Chương trình

1.1. Cấp tỉnh

Căn cứ chức năng nhiệm vụ và các quy định, hướng dẫn của trung ương, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành các chính sách, văn bản¹ quy định, hướng dẫn để quản lý, tổ chức thực hiện.

¹ Văn bản của HĐND tỉnh:

(1) Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 04/01/2023 ban hành Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025;

(2) Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 04/01/2023 về việc phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023;

(3) Nghị quyết số 8/NQ-HĐND ngày 20/02/2023 của HĐND tỉnh về kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương năm 2023 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Thừa Thiên Huế;

(4) Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 12/5/2023 điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

(5) Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 12/5/2023 điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương năm 2023 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

(6) Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của HĐND tỉnh ban hành quy định các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2023-2025;

Văn bản của UBND tỉnh:

(1) Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 10/3/2023 về ban hành định mức kinh tế, kỹ thuật trong nông nghiệp để thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025; (2) Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án giảm nghèo bền vững tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025;

(3) Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số định mức kinh tế kỹ thuật ban hành kèm theo Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 10/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế;

(4) Quyết định số 27/2023/QĐ-UBND ngày 28/6/2023 của UBND tỉnh quy định mức hỗ trợ cụ thể từ vốn ngân sách nhà nước thực hiện một (01) dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và hỗ trợ một (01) dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025;

(5) Quyết định số 29/2023/QĐ-UBND ngày 11/7/2023 của UBND tỉnh ban hành quy định việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

(6) Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 11/7/2023 của UBND tỉnh ban hành quy định cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

(7) Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 08/02/2023 thực hiện Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt một số nội dung hỗ trợ 22 huyện nghèo thuộc 17 tỉnh thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025;

(8) Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 28/02/2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn tỉnh;

(9) Kế hoạch số 247/KH-UBND ngày 05/7/2023 giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

(10) Kế hoạch số 275/KH-UBND ngày 07/8/2023 của UBND tỉnh về đánh giá giữa kỳ kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh;

(11) Kế hoạch số 279/KH-UBND ngày 17/8/2023 của UBND tỉnh về đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 tại tỉnh Thừa Thiên Huế;

(12) Kế hoạch số 285/KH-UBND ngày 25/8/2023 của UBND tỉnh về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

(13) Kế hoạch số 343/KH-UBND ngày 13/10/2023 của UBND tỉnh hỗ trợ huyện A Lưới tỉnh Thừa Thiên Huế thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn vào cuối năm 2023;

(14) Kế hoạch số 350/KH-UBND ngày 20/10/2023 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2023-2025

Căn cứ các văn bản của HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Sở đã ban hành các văn bản² hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện các nội dung chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023.

1.2. Cấp huyện

Căn cứ Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo của tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã ban hành kế hoạch thực hiện năm

² (1) Công văn số 6/SLĐT BXH-VPGN ngày 07/02/2023 về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

(2) Công văn số 11/SLĐT BXH-VPGN ngày 23/02/2023 đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách thực hiện Đề án giảm nghèo bền vững tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025;

(3) Công văn số 17/SLĐT BXH-VPGN ngày 28/02/2023 về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

(4) Tờ trình số 24/TTr-SLĐT BXH ngày 15/3/2023 về việc đề nghị xem xét, phê duyệt Đề án giảm nghèo bền vững tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025;

(5) Công văn số 26/SLĐT BXH-VPGN ngày 23/3/2023 về việc tiến khai thực hiện dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2021-2025;

(6) Công văn số 29/SLĐT BXH-GDNN ngày 24/3/2023 thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023;

(7) Chương trình số 1396/CTr-SLĐT BXH-MTTQ ngày 26/6/2023 Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

(8) Công văn số 55/SLĐT BXH-VPGN ngày 01/6/2023 làm việc với UBND cấp huyện về tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo;

(9) Công văn số 63/SLĐT BXH-GDNN ngày 22/6/2023 đẩy mạnh thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023;

(10) Tờ trình số 1863/TTr-SLĐT BXH ngày 05/7/2023 về việc xem xét trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2023-2025;

(11) Công văn số 92/SLĐT BXH-VPGN ngày 07/9/2023 về việc cử thành viên kiện toàn Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2022-2025;

(12) Công văn số 93/SLĐT BXH-VPGN ngày 07/9/2023 về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo;

(13) Công văn số 99/SLĐT BXH-VPGN ngày 20/9/2023 về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo;

(14) Công văn số 104/SLĐT BXH-VPGN ngày 11/10/2023 tăng cường công tác chỉ đạo, hướng dẫn việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2023;

(15) Công văn số 108/SLĐT BXH-VPGN ngày 17/10/2023 về việc đăng ký làm việc với UBND huyện về công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo 2023;

(16) Công văn số 109/SLĐT BXH-VPGN ngày 17/10/2023 về việc tăng cường công tác chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023;

(17) Công văn số 113/SLĐT BXH-VPGN ngày 24/10/2023 về việc triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/BCĐ ngày 12/10/2023 của BCĐ giảm nghèo bền vững tỉnh; Công văn số 11217/UBND-XH ngày 18/10/2023 của UBND tỉnh;

(18) Công văn số 115/SLĐT BXH-VPGN ngày 24/10/2023 về việc tổng hợp số liệu đánh giá Chương trình MTQGGN bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện nghèo; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo;

(19) Công văn số 124/SLĐT BXH-VPGN ngày 09/11/2023 về việc báo cáo kết quả việc tổ chức, triển khai thực hiện các chính sách giảm nghèo năm 2023;

(20) Công văn số 127/SLĐT BXH-VPGN ngày 13/11/2023 về việc đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững;

(21) Công văn số 126/SLĐT BXH-VPGN ngày 13/11/2023 về việc đánh giá thực trạng các xã thoát khỏi xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025;

2023 phù hợp với đặc điểm, điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; đề ra chỉ tiêu phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo chung của địa phương và chi tiết đến từng xã, phường, thị trấn để căn cứ triển khai thực hiện; Chỉ đạo các xã, phường, thị trấn xây dựng kế hoạch giảm nghèo chi tiết đến từng hộ gia đình, đồng thời nắm chắc số hộ nghèo, hộ cận nghèo, mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, nhu cầu hỗ trợ của người nghèo về vốn, học nghề, tạo việc làm, để thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo có hiệu quả.

2. Hoạt động truyền thông, thông tin

Trong năm 2023, đã có 393 tin, bài được đăng tải trên các báo điện tử và trang thông tin điện tử (số liệu từ 01/01/2023-đến hết 20/11/2023) tập trung các nội dung truyền thông về Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, công tác triển khai của các cấp chính quyền đối với các nội dung thuộc 03 chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, các mô hình hay, gương điển hình trong công tác giảm nghèo tại các xã biên giới, cùng đồng bào dân tộc thiểu số...Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao các huyện, thị xã đã thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền và tiếp sóng các nội dung của Đài PTTH tỉnh, Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV) các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác triển khai thực hiện các nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025...chú trọng lồng ghép công tác tuyên truyền với các hoạt động hưởng ứng Tháng hành động vì người nghèo hàng năm.

II. Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023

1. Các chính sách giảm nghèo chung

1.1. Chính sách tín dụng ưu đãi

Theo số liệu tổng hợp từ Ngân hàng chính sách xã hội, đến tháng 11/2023 đã giải quyết cho 14.966 lượt hộ vay vốn với kinh phí tổng kinh phí 781.965 triệu đồng của 03 chương trình vay, trong đó:

- Cho vay hộ nghèo: 1.480 lượt hộ vay/73.607 triệu đồng;
- Cho vay hộ cận nghèo: 6.123 lượt hộ vay/295.899 triệu đồng;
- Cho vay hộ mới thoát nghèo: 7.363 lượt hộ vay/412.459 triệu đồng.

Chương trình tín dụng ưu đãi từ ngân hàng chính sách xã hội ngoài đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được tiếp cận nguồn vốn, còn có các chính sách vay vốn khác như: giải quyết việc làm theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ; chương trình cho vay xuất khẩu lao động; cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ... giúp cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có thu nhập thấp có điều kiện xây dựng, sửa chữa nhà ở; góp phần giải quyết việc làm và thực hiện các chính sách an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững.

1.2. Chính sách hỗ trợ Bảo hiểm y tế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo

Theo số liệu tổng hợp của Bảo hiểm xã hội tỉnh, tính đến ngày 31/10/2023, có 42.256 người (24.694 người thuộc hộ nghèo; 17.562 người thuộc hộ cận nghèo) được cấp thẻ BHYT với kinh phí **35,094** tỷ đồng.

Có 72.219 lượt người nghèo, cận nghèo (37.341 lượt người nghèo; 34.878 lượt người cận nghèo) được khám chữa bệnh với kinh phí 60,4 tỷ đồng.

1.3. Chính sách trợ cấp xã hội cho đối tượng yếu thế

Thực hiện Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 về quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; năm 2023, thực hiện trợ cấp xã hội cho hơn 60 ngàn đối tượng với kinh phí hỗ trợ hàng tháng hơn 30 tỷ đồng.

1.4. Chính sách hỗ trợ tiền điện hộ nghèo

Căn cứ Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện; Quyết định số 60/2014/QĐ-TTg ngày 30/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện; Thông tư số 190/2014/TT-BTC ngày 11/12/2014 của Bộ Tài chính quy định thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội; Quyết định số 648/QĐ-BTC ngày 20/3/2019 của Bộ Công thương về điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân và quy định giá bán điện. Năm 2023, đã hỗ trợ tiền điện cho hơn 10.000 lượt hộ nghèo với mức 55.000 đồng/tháng. Tổng kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo hơn 7 tỷ đồng.

1.5. Chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập

Thực hiện Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập. Tính đến nay đã hỗ trợ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho hơn 30 ngàn lượt học sinh với kinh phí hỗ trợ hơn 20 tỷ đồng.

1.6. Hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm

a) Công tác đào tạo nghề

Các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh đã tổ chức được các lớp đào tạo từ chương trình mục tiêu giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Năm 2023, đã tuyển sinh và đào tạo là 3.331 người. Trong đó, nghề phi nông nghiệp là 2.655 người (150 người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo), nghề nông nghiệp là 676 người (102 người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo), cụ thể:

- Đã ký hợp đồng với các đơn vị triển khai các lớp đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng để đào tạo nghề trong CTMTQG giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, Phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Trong đó:

+ Nghề phi nông nghiệp: 1.454 người;

+ Nghề nông nghiệp: 676 người

- Có 1.201 người lao động nông thôn tham gia học nghề phi nông nghiệp với kinh phí hỗ trợ từ dự án khác và kinh phí đóng góp của người học.

(Phụ lục 5 đính kèm)

Toàn tỉnh đã tuyển sinh 16.150 người, trong đó: 3.990 học sinh, sinh viên sau tốt nghiệp THCS, THPT học trình độ cao đẳng, trung cấp và 12.160 người học trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng; nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 70,25%. Số học sinh đã tốt nghiệp 14.150 người (cao đẳng, trung cấp 2.100 người, sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề khác 12.050 người).

b) Giải quyết việc làm

Từ đầu năm đến nay, đã tổ chức 24 phiên giao dịch việc làm tại Trung tâm Dịch vụ việc làm và các địa phương, đơn vị với 6.137 lượt lao động tham gia, 62.696 vị trí việc làm, trong đó 609 lao động được tiếp nhận. Phối hợp tổ chức thành công Ngày Hội việc làm - Tư vấn tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp năm 2023 (hình thức trực tiếp và trực tuyến) trên địa bàn tỉnh có 45 đơn vị và cơ sở giáo dục nghề nghiệp tuyển sinh, tuyển dụng trên 22.762 chỉ tiêu; thông qua Ngày hội số người truy cập mạng, trực tiếp tiếp cận thông tin việc làm, định hướng nghề nghiệp hơn 9.200 người, kết quả tuyển sinh, tuyển dụng tại Ngày hội 226 người. UBND huyện A Lưới phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức Ngày hội việc làm gắn với giảm nghèo bền vững tại huyện A Lưới với hơn 800 lao động tham gia tư vấn, đăng ký học nghề, việc làm.

Đến nay, đã giải quyết việc làm cho 17.034 người (trong đó có 1.586 lao động thuộc hộ nghèo, 1.560 lao động thuộc hộ cận nghèo); có 2.325 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động (trong đó có 103 lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo).

1.7. Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo

Từ nguồn ngân sách và huy động sự chung tay góp sức của các cấp, các ngành, cơ quan, đoàn thể trong việc hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo. Đặc biệt là sự hỗ trợ của Mặt trận tổ quốc Việt Nam các cấp, doanh nghiệp, nhà hảo tâm... đã hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

STT	Đơn vị	Tổng số nhà	Tổng kinh phí	Xây mới	Kinh phí	Sửa chữa	Kinh phí
Tổng cộng		1.309	59.349	836	5.654	473	1.595
1	Huế	95	1.210	8	340	87	870
2	Hương Trà	10	700	10	700		
3	Hương Thủy	20	710	15	610	5	100
4	Phong Điền	65	2.829	42	2.454	23	375
5	Quảng Điền	93	2.700	30		63	
6	Phú Lộc	27	840	10	590	17	250
7	Phú Vang	62	1.280	20		42	
8	Nam Đông	17	960	17	960		
9	A Lưới	920	48.120	684		236	

Tính đến tháng 11/2023 đã hỗ trợ xây mới, sửa chữa cho 1.309 nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo với kinh phí 59.349 triệu đồng.

Ngoài 920³ nhà sửa chữa, xây mới với kinh phí 48.120 triệu đồng (vốn trung ương 32.080 triệu đồng) năm 2023 theo Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện A Lưới, từ nguồn hỗ trợ của Ngân hàng Vietcombank (10.000 triệu đồng) để xây mới, sửa chữa 200 nhà trên địa bàn huyện A Lưới, hiện nay đã có 49 hộ xây dựng xong và 35 hộ đang triển khai xây dựng, cải tạo và sửa chữa với tiến độ từ 10-70%. Đồng thời, với nguồn kinh phí tạm ứng theo Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 21/8/2023, huyện A Lưới đang triển khai hỗ trợ nhà ở cho 437 hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 với kinh phí 22.860 triệu đồng.

Tổng đến nay, có 1.946 đã, đang được xây mới, sửa chữa với kinh phí 92.209 triệu đồng.

1.8. Chính sách trợ giúp pháp lý

a) Hoạt động tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân các cấp: đã thực hiện trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng để bào chữa, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho 24 người được trợ giúp pháp lý thuộc diện người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo là bị can, bị cáo, bị hại, đương sự trong các vụ việc, cụ thể: Hình sự, tố tụng hình sự: 16 vụ việc; Dân sự, tố tụng dân sự: 8 vụ việc.

b) Hoạt động truyền thông về trợ giúp pháp lý: Thực hiện Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017, Công văn số 2134/BTP-TGPL ngày 28/6/2022 của Bộ Tư pháp về việc thực hiện nội dung trợ giúp pháp lý của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ; trong năm 2023, ngành Tư pháp đã tổ chức các đợt truyền thông về trợ giúp pháp lý tại các xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh. Qua các đợt truyền thông về trợ giúp pháp lý đã thu hút 2.054 lượt người tham dự, trong đó có đối tượng người thuộc hộ nghèo. Cấp phát miễn phí tại các đợt truyền thông hơn 11.050 tờ gấp pháp luật các loại nói chung, qua đó đã góp phần nâng cao nhận thức pháp luật của người dân nói chung và người nghèo, người cận nghèo trên địa bàn.

1.9. Hỗ trợ tiếp cận dịch vụ viễn thông

Thực hiện Quyết định số 2269/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025, Thông tư số 14/2022/TT-BTTTT ngày 28/10/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về Quy định danh mục, chất lượng dịch vụ viễn thông công ích và hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025, Công văn số 2469/UBND-DL ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh về việc triển khai, thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025

Hiện nay, có 35 trường học, trạm y tế tại địa bàn các xã thuộc huyện A

³ 513 nhà (323 nhà xây mới; 190 nhà sửa chữa) đã được nghiệm thu hoàn thành xây mới, sửa chữa; 397 nhà (356 xây mới; 41 cải tạo, sửa chữa) đang triển khai xây dựng, cải tạo và sửa chữa tiến độ từ 10-70%; 10 nhà (5 nhà xây mới; 5 nhà cải tạo, sửa chữa) chưa triển khai thực hiện

Lưới, Nam Đông đã được hỗ trợ sử dụng dịch vụ băng rộng cố định; 2.329 hộ nghèo và cận nghèo tại địa bàn 21 xã nghèo, đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 và Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ được hỗ trợ sử dụng dịch vụ băng rộng cố định; 5.180 hộ nghèo và cận nghèo tại địa bàn các xã trên toàn tỉnh được hỗ trợ sử dụng dịch vụ di động.

1.10. Thực hiện Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của HĐND tỉnh quy định các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2025 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND)

Để triển khai kịp thời các chính sách theo Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã có văn bản⁴ gửi các địa phương dự toán kinh phí thực hiện trong 03 tháng cuối năm 2023 và kinh phí thực hiện năm 2024. Trên cơ sở số liệu dự toán của các địa phương, Sở đã tổng hợp kinh phí thực hiện năm 2023 gửi Sở Tài chính⁵ tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí để các địa phương triển khai thực hiện các chính sách cho 989 đối tượng với kinh phí 5.271,3 triệu đồng, trong đó: ngân sách tỉnh 2.984,7 triệu đồng, ngân sách huyện 969,25 triệu đồng và nguồn vận động xã hội hoá 1.317,3 triệu đồng.

1.11. Nguồn lực huy động từ UBMTTQVN để thực hiện chương trình giảm nghèo và an sinh xã hội

Theo số liệu của UBMTTQVN tỉnh, số tiền vận động ủng hộ và quản lý sử dụng Quỹ “Vì người nghèo” đến cuối 11/2023 là 29.604 triệu đồng.

Các nguồn huy động từ Mặt trận và các tổ chức thành viên đã thực hiện các hoạt động hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở cho hộ nghèo (438 nhà, kinh phí 9.051 triệu đồng); hỗ trợ vốn sản xuất, quà cho học sinh nghèo, khám chữa bệnh cho người nghèo (3.054 người, kinh phí 2.341,8 triệu đồng) và rất nhiều hoạt động có ý nghĩa khác (trợ giúp khó khăn đột xuất, thăm hỏi, tặng quà - 11.799 đối tượng, kinh phí 4.623 triệu đồng) nhằm khắc phục hậu quả thiên tai, hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn đã góp phần đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững.

Nhìn chung, các chính sách giảm nghèo do trung ương ban hành tiếp tục triển khai thực hiện nhằm giúp người nghèo và các đối tượng bảo trợ xã hội tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về y tế, giáo dục... đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

2.1. Giải ngân nguồn vốn

a) Vốn ngân sách trung ương

⁴ (1) Công văn số 2873/SLĐTĐBXH-BTXH ngày 27/9/2023 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của HĐND tỉnh, Quyết định số 2027/QĐ-UBND ngày 29/8/2023 của UBND tỉnh và dự toán kinh phí thực hiện năm 2023;

(2) Công văn số 128/SLĐTĐBXH-VPGN ngày 23/11/2023 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của HĐND tỉnh trong năm 2024;

⁵ Công văn số 122/SLĐTĐBXH-VPGN ngày 07/11/2023 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của HĐND tỉnh;

Tính đến ngày 29/11/2023, đã giải ngân được 155.813,3/433.880,9 triệu đồng, tỷ lệ 35,9%, trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển giải ngân 98.909 triệu đồng/250.297 triệu đồng; tỷ lệ 39,5%;
- Vốn sự nghiệp giải ngân 56.904,3 triệu đồng/183.583,9 triệu đồng; tỷ lệ 31,0%

STT	Nội dung	Tổng	Vốn ĐTPT (triệu đồng)		Vốn sự nghiệp (triệu đồng)	
			Vốn 2022 kéo dài sang 2023	Vốn 2023	Vốn 2022 kéo dài sang 2023	Vốn 2023
1	Kinh phí	433.880,9	95.588	154.709	42.204,9	141.379
2	Giải ngân	155.813,3	70.388	28.521	56.904,3	
3	Tỷ lệ %	35,9	73,6	18,4	31,0	

b) Vốn ngân sách tỉnh

Tính đến ngày 29/11/2023, đã giải ngân được 21.206/41.242 triệu đồng vốn ngân sách tỉnh, tỷ lệ 51,4%, trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển giải ngân 1.696 triệu đồng/3.382 triệu đồng; tỷ lệ 50,1%;
- Vốn sự nghiệp giải ngân 19.510 triệu đồng/37.860 triệu đồng; tỷ lệ **51,5%**

2.2. Tình hình thực hiện các dự án, tiểu dự án của Chương trình

2.2.1. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển

- Kinh phí thực hiện:

+ Năm 2022 kéo dài sang 2023: 97.310,4 triệu đồng (vốn ĐTPT 94.743 triệu đồng; vốn sự nghiệp 2.567,4 triệu đồng). Giải ngân 71.315,9 triệu đồng (vốn ĐTPT 69.543 triệu đồng, tỷ lệ 73,4%; vốn sự nghiệp 1.772,9 triệu đồng, tỷ lệ 69,1%)

+ Năm 2023:

Ngân sách trung ương: 127.049 triệu đồng (vốn ĐTPT 113.546 triệu đồng; vốn sự nghiệp 13.503 triệu đồng). Giải ngân được 31.255,9 triệu đồng (vốn ĐTPT 27.113 triệu đồng, tỷ lệ 23,9%; vốn sự nghiệp 4.142,9 triệu đồng, tỷ lệ 30,7%), tỷ lệ 24,6%;

Ngân sách tỉnh: 3.382 triệu đồng (vốn ĐTPT 3.382 triệu đồng). Giải ngân được 1.696 triệu đồng, tỷ lệ 50,1%

a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển:

- Kinh phí thực hiện:

+ Năm 2022 kéo dài sang 2023: 97.310,4 triệu đồng (vốn ĐTPT 94.743 triệu đồng; vốn sự nghiệp 2.567,4 triệu đồng). Giải ngân được 71.315,9 triệu đồng (vốn ĐTPT 69.543 triệu đồng, tỷ lệ 73,4%; vốn sự nghiệp 1.772,9 triệu đồng, tỷ lệ 69,1%), tỷ lệ 73,3%;

+ Năm 2023:

Ngân sách trung ương: 51.710 triệu đồng (vốn ĐTPT 45.056 triệu đồng; vốn sự nghiệp 6.654 triệu đồng). Giải ngân được 31.255,9 triệu đồng (vốn ĐTPT 27.113 triệu đồng, tỷ lệ 60,2%; vốn sự nghiệp 4.142,9 triệu đồng, tỷ lệ 62,3%), tỷ lệ 73,3%;

Ngân sách tỉnh: 3.382 triệu đồng vốn ĐTPT. Giải ngân được 1.696 triệu đồng, tỷ lệ 50,1%

- Địa bàn thực hiện: huyện A Lưới và 07 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển của huyện Phong Điền (xã Điền Hương, xã Phong Chương), huyện Phú Lộc (xã Lộc Bình, xã Lộc Vĩnh, xã Giang Hải), huyện Phú Vang (xã Phú Diên, Phú Gia)

- Kết quả thực hiện: (1) đối với huyện nghèo A Lưới: đầu tư 63 công trình, trong đó: 02 công trình giao thông, 01 công trình thủy lợi, 60 công trình duy tu bảo dưỡng; (2) đối với các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo: đầu tư 42 công trình, trong đó: 14 công trình giao thông, 07 công trình thủy lợi, 01 công trình cầu, 01 công trình chợ, 03 công trình trường học, 02 công trình văn hoá, vui chơi giải trí và 14 công trình duy tu bảo dưỡng.

b) Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Kinh phí thực hiện:

+ Năm 2023:

Ngân sách trung ương: 75.339 triệu đồng (vốn ĐTPT 68.490 triệu đồng; vốn sự nghiệp 6.849 triệu đồng). Hiện đang thực hiện các thủ tục đấu thầu để triển khai xây dựng các công trình.

- Địa bàn thực hiện: huyện A Lưới

- Kết quả thực hiện: đầu tư xây dựng 02 công trình giao thông liên xã A Ngo-Sơn Thủy-Quảng Nhâm và thị trấn A Lưới-Quảng Nhâm.

2.2.2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

- Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách trung ương

+ Năm 2022 kéo dài sang 2023: 12.683,1 triệu đồng vốn sự nghiệp. Giải ngân được 1.655,2 triệu đồng, tỷ lệ 13,1%;

+ Năm 2023: 31.750 triệu đồng vốn sự nghiệp. Giải ngân 0 đồng

- Kết quả thực hiện: Hiện tại, các địa phương đã đăng ký, xây dựng các mô hình dự án, tập trung chủ yếu là chăn nuôi gà, bò, lợn và mô hình hỗ trợ ngư lưới cụ; đã hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục và sẽ phê duyệt⁶, triển khai thực hiện khi Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ cụ thể từ ngân sách nhà nước thực hiện một dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, cộng đồng.

2.2.3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng:

⁶ Huyện Phú Vang đã có 25 Quyết định phê duyệt các mô hình, dự án; Thị xã Hương Thủy đã có Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 16/02/2023 về phê duyệt mô hình hỗ trợ phát triển chăn nuôi gà thả vườn gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm

- Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách trung ương
+ Năm 2022 kéo dài sang 2023: 5.322,4 triệu đồng vốn sự nghiệp. Giải ngân được 556,3 triệu đồng, tỷ lệ 10,5%;

+ Năm 2023: 18.728 triệu đồng vốn sự nghiệp. Giải ngân 2.896 triệu đồng, tỷ lệ 15,5%

a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

- Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách trung ương
+ Năm 2022 kéo dài sang 2023: 5.322,4 triệu đồng vốn sự nghiệp. Giải ngân được 556,3 triệu đồng, tỷ lệ 10,5%;

+ Năm 2023: 14.004 triệu đồng vốn sự nghiệp. Giải ngân 90 triệu đồng, tỷ lệ 0,6%

- Kết quả thực hiện: Hiện tại, các địa phương đã đăng ký, xây dựng các mô hình dự án, tập trung chủ yếu là chăn nuôi gà, bò, lợn và mô hình hỗ trợ ngư lưới cụ; đã hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục và sẽ phê duyệt⁷, triển khai thực hiện khi Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ cụ thể từ ngân sách nhà nước thực hiện một dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, cộng đồng.

b) Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

- Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách trung ương

Năm 2023: 4.724 triệu đồng vốn sự nghiệp. Giải ngân 2.806 triệu đồng, tỷ lệ 59,4%

- Kết quả thực hiện: cấp phát 135.720 viên vi đa chất cho 754 phụ nữ mang thai từ khi phát hiện mang thai, sau sinh cho đến khi hết thuốc tại 25 xã nghèo; Bổ sung 5589 viên Vitamin A liều cao cho 5.428 trẻ em từ 6-35 tháng tuổi, trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng, tiêu chảy, sỏi, viêm đường hô hấp cấp tại 25 xã nghèo, cận nghèo, thoát nghèo; Bổ sung 1920 hộp Davinkids cho 320 trẻ em bị thấp còi từ 6-23 tháng tuổi tại huyện nghèo A Lưới. Tổ chức 04 lớp tập huấn về phòng chống suy dinh dưỡng thấp còi cho chuyên trách tuyến huyện, xã thuộc 25 xã nghèo; 09 lớp tập huấn về phòng chống suy dinh dưỡng thấp còi cho cộng tác viên dinh dưỡng thuộc 25 xã nghèo; xây dựng, in ấn tài liệu về dinh dưỡng cho đội ngũ làm công tác giảm nghèo thuộc 25 xã nghèo. Tổ chức các hoạt động truyền thông theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

2.2.4. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

- Kinh phí thực hiện

+ Năm 2022 kéo dài sang 2023 (ngân sách trung ương): 18.633,2 triệu đồng (vốn ĐTPT 845 triệu đồng; vốn sự nghiệp 17.788,2 triệu đồng). Giải ngân 9.292,1 triệu đồng (vốn ĐTPT 845 triệu đồng, tỷ lệ 100%; vốn sự nghiệp 8.447,1 triệu đồng, tỷ lệ 47,5%), tỷ lệ 49,9%;

+ Năm 2023:

⁷ Huyện Phú Vang đã có 14 Quyết định phê duyệt các mô hình, dự án; Thị xã Hương Thủy đã có Quyết định số 3570/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 về phê duyệt mô hình hỗ trợ phát triển đàn bò lai sinh sản gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm

Ngân sách trung ương: 75.479 triệu đồng (vốn ĐTPT 41.163 triệu đồng; vốn sự nghiệp 34.316 triệu đồng). Giải ngân được 2.923,6 triệu đồng (vốn ĐTPT 1.408 triệu đồng, tỷ lệ 3,4%; vốn sự nghiệp 1.515,6 triệu đồng, tỷ lệ 4,4%), tỷ lệ 3,9%

a) *Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn là 16.801 triệu đồng*

- Kinh phí thực hiện

+ Năm 2022 kéo dài sang 2023 (ngân sách trung ương): 15.633,2 triệu đồng vốn sự nghiệp. Giải ngân 7.927,3 triệu đồng, tỷ lệ 50,7%;

+ Năm 2023:

Ngân sách trung ương: 65.631 triệu đồng (vốn ĐTPT 38.193 triệu đồng; vốn sự nghiệp 27.438 triệu đồng). Giải ngân được 148,8 triệu đồng (vốn ĐTPT 0 đồng, tỷ lệ 0%; vốn sự nghiệp 148,8 triệu đồng, tỷ lệ 0,7%), tỷ lệ 0,3%

- Kết quả thực hiện: có khoảng 1.300 người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề; có 04 cơ sở giáo dục nghề nghiệp được hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo. Các Sở, ngành, địa phương đang tiếp tục triển khai các nội dung hoạt động phù hợp với nội dung hỗ trợ của dự án như mua sắm trang thiết bị, xây dựng các lớp tập huấn, đào tạo nghề...

b) *Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng*

- Kinh phí thực hiện

+ Năm 2022 kéo dài sang 2023 (ngân sách trung ương): 398 triệu đồng vốn sự nghiệp. Giải ngân 71 triệu đồng, tỷ lệ 17,8%;

+ Năm 2023:

Ngân sách trung ương: 1.300 triệu đồng vốn sự nghiệp. Giải ngân được 408 triệu đồng, tỷ lệ 31,4%

- Kết quả thực hiện: Các địa phương đã tích cực tuyên truyền tư vấn, vận động người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động. Tổ chức 10 lớp tập huấn cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp huyện, xã, thôn/tổ về các nội dung hỗ trợ và các thông tin về đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động. Đến nay, đã đưa được 2.325 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động, trong đó có 103 lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, người lao động sinh sống tại huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

c) *Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững*

- Kinh phí thực hiện

+ Năm 2022 kéo dài sang 2023 (ngân sách trung ương): 2.602 triệu đồng (vốn ĐTPT 845 triệu đồng; vốn sự nghiệp 1.757 triệu đồng). Giải ngân 1.293,8 triệu đồng (vốn ĐTPT 845 triệu đồng, tỷ lệ 100%; vốn sự nghiệp 448,8 triệu đồng, tỷ lệ 25,5%), tỷ lệ 49,7%;

+ Năm 2023:

Ngân sách trung ương: 8.548 triệu đồng (vốn ĐTPT 2.970 triệu đồng; vốn sự nghiệp 5.578 triệu đồng). Giải ngân được 2.330,8 triệu đồng (vốn ĐTPT 1.408 triệu đồng, tỷ lệ 47,4%; vốn sự nghiệp 922,8 triệu đồng, tỷ lệ 16,5%), tỷ lệ 27,3%;

- Kết quả thực hiện: 100% người lao động (trong đó có hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo) có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm. Đã tổ chức 24 phiên giao dịch việc làm tại Trung tâm Dịch vụ việc làm và các địa phương, đơn vị với 6.137 lượt lao động tham gia, 62.696 vị trí việc làm, trong đó 609 lao động được tiếp nhận. Phối hợp tổ chức thành công Ngày Hội việc làm - Tư vấn tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp năm 2023 (hình thức trực tiếp và trực tuyến) trên địa bàn tỉnh có 45 đơn vị và cơ sở giáo dục nghề nghiệp tuyển sinh, tuyển dụng trên 22.762 chỉ tiêu; thông qua Ngày hội số người truy cập mạng, trực tiếp tiếp cận thông tin việc làm, định hướng nghề nghiệp hơn 9.200 người, kết quả tuyển sinh, tuyển dụng tại Ngày hội 226 người. UBND huyện A Lưới phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức Ngày hội việc làm gắn với giảm nghèo bền vững tại huyện A Lưới với hơn 800 lao động tham gia tư vấn, đăng ký học nghề, việc làm.

Các địa phương đang triển khai thu thập thông tin thị trường lao động và sẽ phối hợp với công an thực hiện rà soát, đối sánh với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Hỗ trợ cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin cho trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh.

2.2.5. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo A Lưới

- Kinh phí thực hiện

+ Năm 2023:

Ngân sách trung ương: 32.080 triệu đồng vốn sự nghiệp. Giải ngân được 32.080 triệu đồng, tỷ lệ 100%;

Ngân sách địa phương: 37.860 triệu đồng vốn sự nghiệp (gồm 15.000 triệu đồng cấp hỗ trợ nhà ở năm 2023 và tạm ứng 22.860 triệu đồng kinh phí địa phương⁸ để hỗ trợ xây mới, sửa chữa cho 437 hộ nghèo, hộ cận nghèo ở huyện A Lưới năm 2022). Đã giải ngân được 19.510 triệu đồng, tỷ lệ 51,5%;

- Kết quả thực hiện:

+ Tổng số hộ đã được nghiệm hoàn thành xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa nhà ở: 513 hộ/920 hộ (323 hộ xây mới; 190 hộ cải tạo, sửa chữa), tỷ lệ đạt 55,8 % so với kế hoạch đề ra.

+ Tổng số hộ đang triển khai xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa nhà ở tiến độ từ 10 % đến 70%: 397 hộ/920 hộ (356 hộ xây mới; 41 hộ cải tạo, sửa chữa), tỷ lệ đạt 43,2 % so với kế hoạch đề ra.

⁸ Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của HĐND tỉnh về việc thống nhất chủ trương tạm ứng kinh phí thực hiện Dự án 5 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững để hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo tại huyện A Lưới năm 2022

+ Tổng số hộ chưa thực hiện: 10 hộ/920 hộ (05 hộ xây mới; 05 hộ cải tạo, sửa chữa) chiếm tỷ lệ đạt 1,1 % so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân chủ yếu: các hộ đi làm ăn xa, đau ốm.

2.2.6. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

- Kinh phí thực hiện

+ Năm 2022 kéo dài sang 2023 (ngân sách trung ương): 418,7 triệu đồng vốn sự nghiệp. Giải ngân 273,7 triệu đồng, tỷ lệ 65,4%;

+ Năm 2023:

Ngân sách trung ương: 4.095 triệu đồng vốn sự nghiệp. Giải ngân được 901,5 triệu đồng, tỷ lệ 22%

a) Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin.

- Kinh phí thực hiện

+ Năm 2022 kéo dài sang 2023 (ngân sách trung ương): 201,5 triệu đồng vốn sự nghiệp. Giải ngân 149,9 triệu đồng, tỷ lệ 74,4%;

+ Năm 2023:

Ngân sách trung ương: 2.091 triệu đồng vốn sự nghiệp. Giải ngân được 584,3 triệu đồng, tỷ lệ 27,9%

- Kết quả thực hiện: đã có 393 tin, bài được đăng tải trên các báo điện tử và trang thông tin điện tử (số liệu từ 01/01/2023-đến hết 20/11/2023) tập trung các nội dung truyền thông về Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, công tác triển khai của các cấp chính quyền đối với các nội dung thuộc 03 chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, các mô hình hay, gương điển hình trong công tác giảm nghèo tại các xã biên giới, cùng đồng bào dân tộc thiểu số...Cung cấp 02 cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông tại xã Hồng Thái, huyện A Lưới. Tổ chức 04 lớp tập huấn kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho 320 cán bộ thông tin, tuyên truyền. Xây dựng 09 cụm pano, phóng sự tuyên truyền.

b) Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

- Kinh phí thực hiện

+ Năm 2022 kéo dài sang 2023 (ngân sách trung ương): 217,2 triệu đồng vốn sự nghiệp. Giải ngân 123,8 triệu đồng, tỷ lệ 57%;

+ Năm 2023:

Ngân sách trung ương: 2.004 triệu đồng vốn sự nghiệp. Giải ngân được 317,2 triệu đồng, tỷ lệ 15,8%

- Kết quả thực hiện: Các địa phương đang triển khai xây dựng các phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo. Tổ chức 17 cuộc đối thoại cho hơn 1.600 người làm công tác giảm nghèo. Hợp đồng tuyên truyền với Tạp chí Lao động xã hội, Báo Dân sinh, Báo Thừa Thiên Huế, Tài nguyên và Môi trường... đăng tải trên 70 tin, bài báo giấy, báo điện tử, 05 clips tuyên truyền trên báo Thừa Thiên Huế online, 03 phóng sự chuyên đề và hàng chục phóng sự ngắn trên đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, hiện đang hợp tác phát sóng 10 phóng sự, 01 số đối

thoại trực tuyến với đài truyền hình Kỹ thuật số VTC. Tổ chức tuyên truyền bằng trực quan sinh động thông qua pano, đèn led điện tử, các nền tảng số. Qua đó đã thông tin, truyền truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo nhằm khơi dậy tinh thần tự lực vươn lên thoát nghèo và huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững.

2.2.7. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá Chương trình

- Kinh phí thực hiện

+ Năm 2022 kéo dài sang 2023 (ngân sách trung ương): 3.425,1 triệu đồng vốn sự nghiệp. Giải ngân 1.807,7 triệu đồng, tỷ lệ 52,8%;

+ Năm 2023:

Ngân sách trung ương: 6.907 triệu đồng vốn sự nghiệp. Giải ngân được 855,4 triệu đồng, tỷ lệ 12,4%

a) Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

- Kinh phí thực hiện

+ Năm 2022 kéo dài sang 2023 (ngân sách trung ương): 2.139,9 triệu đồng vốn sự nghiệp. Giải ngân 1.630,7 triệu đồng, tỷ lệ 76,2%;

+ Năm 2023:

Ngân sách trung ương: 4.500 triệu đồng vốn sự nghiệp. Giải ngân được 855,4 triệu đồng, tỷ lệ 19%

- Kết quả thực hiện:

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đang làm hồ sơ thủ tục xin phép xuất bản tài liệu các văn bản hiện hành về giảm nghèo giai đoạn 2021-2025 để cấp phát cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp làm cẩm nang tra cứu, tham khảo.

+ Đã tổ chức 34 lớp tập huấn nâng cao năng lực cho hơn 3.000 lượt cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp; tổ chức các đoàn học tập kinh nghiệm.

+ Các địa phương đã tổ chức 22 lớp tập huấn hướng dẫn quy trình, công cụ, phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 cho hơn 2.800 lượt đại biểu là các thành viên Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo các cấp, lực lượng rà soát viên, lãnh đạo và cán bộ chính sách cấp xã.

b) Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

- Kinh phí thực hiện

+ Năm 2022 kéo dài sang 2023 (ngân sách trung ương): 1.285,2 triệu đồng vốn sự nghiệp. Giải ngân 177 triệu đồng, tỷ lệ 13,8%;

+ Năm 2023:

Ngân sách trung ương: 2.407 triệu đồng vốn sự nghiệp. Giải ngân được 0 đồng, tỷ lệ 0%

- Kết quả thực hiện:

+ Các sở, ban, ngành và địa phương đã xây dựng và tổ chức thực hiện việc kiểm tra giám sát, đánh giá theo quy định; kịp thời hướng dẫn và tháo gỡ những

vướng mắc trong quá trình thực hiện Chương trình giảm nghèo và các chính sách liên quan;

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã xây dựng đề cương và dự toán chi tiết phần mềm Hệ thống rà soát và quản lý giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế gửi Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính thẩm định, tham mưu UBND tỉnh xem xét phê duyệt;

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tổ chức 09 đợt kiểm tra công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tại các huyện, thị xã và thành phố Huế và thực tế tại một số hộ gia đình. Các sở, ngành, địa phương đã tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá theo quy định tại Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

III. Đánh giá các chỉ tiêu giảm nghèo

1. Chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo

Theo phương án phân bổ chỉ tiêu giảm nghèo cho các huyện, thị xã và thành phố Huế do Ban chỉ đạo giảm nghèo bền vững tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy, tỷ lệ hộ nghèo tỉnh năm 2023 là 3,17% và theo Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 28/02/2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn tỉnh, đề ra chỉ tiêu tỷ lệ hộ nghèo chung toàn tỉnh giảm còn 2,79%.

- Đánh giá kết quả đạt được

+ Theo kết quả rà soát cuối năm 2022: số hộ nghèo: 11.735 hộ (36.711 khẩu nghèo), tỷ lệ: 3,56%;

+ Theo kết quả rà soát cuối năm 2023: số hộ nghèo 7.540 (23.127 khẩu), tỷ lệ: 2,27%;

Tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2023 là 2,27% và tỷ lệ giảm nghèo năm 2023 là 1,29%. Vượt chỉ tiêu so với kế hoạch đề ra. *(Phụ lục 1 đính kèm)*

2. Tỷ lệ hộ nghèo tại các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao trên 25% giảm từ 4% trở lên

- Theo kết quả năm 2022, trên địa bàn tỉnh có 13 xã có tỷ lệ hộ nghèo cao trên 25% tập trung ở huyện A Lưới gồm: xã A Roàng, Đông Sơn, Hồng Bắc, Hồng Hạ, Hồng Kim, Hồng Thái, Hồng Thượng, Hồng Thủy, Hồng Vân, Hương Nguyên, Lâm Đót, Quảng Nhâm, Trung Sơn;

- Kết quả thực hiện

+ 13 xã có tỷ lệ hộ nghèo trên 25% của huyện A Lưới đều có tỷ lệ giảm nghèo từ 7% trở lên, đảm bảo đạt chỉ tiêu đề ra, trong đó xã Hồng Bắc có tỷ lệ giảm cao nhất 27,83%.

+ Có 02 xã có tỷ lệ nghèo dưới 25% (xã Hồng Bắc, xã Hồng Thượng). Hiện còn 11 xã có tỷ lệ hộ nghèo trên 25% *(Phụ lục 2 đính kèm)*

3. Chỉ tiêu về hỗ trợ đào tạo; đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70%; có khoảng 2.000 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động

- Kết quả đạt được

Năm 2023, lực lượng lao động toàn tỉnh là 615.143 người; trong đó lao động qua đào tạo là 432.137 người. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70,25%, vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Tính đến cuối tháng 11/2023, đã tuyển sinh 16.150 người, trong đó: 3.990 học sinh, sinh viên sau tốt nghiệp THCS, THPT học trình độ cao đẳng, trung cấp và 12.160 người học trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng; nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 70,25%. Đã giải quyết việc làm cho 17.034 người, trong đó có 2.325 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động, đạt mục tiêu đề ra.

4. Về hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo

- Chỉ tiêu tối thiểu 1.310 hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ nhà ở

- Kết quả đạt được:

Từ nguồn ngân sách và huy động sự chung tay góp sức của các cấp, các ngành, cơ quan, đoàn thể trong việc hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo. Đặc biệt là sự hỗ trợ của Mặt trận tổ quốc Việt nam các cấp, doanh nghiệp, nhà hảo tâm... đã hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh. Đến nay đã, đang hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở cho 1.946 hộ nghèo, hộ cận nghèo với kinh phí 92.209 triệu đồng, vượt chỉ tiêu đề ra.

5. Chỉ tiêu tổ chức tập huấn, nâng cao năng lực giảm nghèo cho cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp

Kết quả thực hiện: Căn cứ nguồn vốn được phân bổ, các sở, ngành và địa phương đã, đang xây dựng kế hoạch tổ chức các hội nghị, lớp tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác giảm nghèo các cấp nhằm đảm bảo 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp được tham gia tập huấn nâng cao năng lực.

IV. Đánh giá chung

1. Thuận lợi

a) Sự lãnh đạo, chỉ đạo điều hành sâu sát, quyết liệt, chủ động, có trọng tâm trọng điểm của các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp; sự đoàn kết, đồng thuận cao của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh; nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn, thách thức đã đạt được những kết quả tích cực, góp phần quan trọng thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển chung của tỉnh; các chính sách giảm nghèo đã góp phần quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

b) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở các cấp, các ngành và một số địa phương đã được quan tâm, thực hiện thường xuyên. Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết về giảm nghèo bền vững; UBND tỉnh ban hành kế hoạch giai đoạn, kế hoạch năm, thực hiện chương trình...; công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong cán bộ và nhân dân được tăng cường, thực hiện liên tục và có hiệu quả;

c) UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị và địa phương tập trung triển khai thực hiện Chương trình đảm bảo hiệu quả, thực chất, không chạy theo thành tích.

2. Tồn tại, hạn chế

a) Người nghèo đang được hưởng thụ nhiều chính sách hỗ trợ, đặc biệt là các chính sách hỗ trợ trực tiếp (chính sách hỗ trợ y tế, chính sách hỗ trợ giáo dục, chính sách hỗ trợ về nhà ở...), dẫn đến tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của nhà nước, phong tục tập quán, chi tiêu và tích lũy trong các hộ dân vẫn chưa được tích cực đổi mới; Trình độ dân trí của người dân còn thấp, ý thức tự lực vươn lên trong cuộc sống của một bộ phận hộ nghèo chưa cao, vẫn còn tồn tại một số suy nghĩ không muốn thoát nghèo để hưởng chính sách;

b) Chương trình, mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 có nhiều thay đổi về đối tượng, phạm vi, nội dung hỗ trợ, cơ chế quản lý Chương trình so với giai đoạn trước; số dự án, tiểu dự án thành phần nhiều hơn; cơ chế quản lý chặt chẽ hơn. Vì vậy, cần có nhiều thời gian để nghiên cứu, triển khai thực hiện;

c) Theo quy định của Chính phủ (*tại Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ*) và văn bản hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương, trong giai đoạn 2021-2025, HĐND và UBND tỉnh phải ban hành rất nhiều Nghị quyết, Quyết định, Kế hoạch để tổ chức thực hiện Chương trình, trong đó đa phần là văn bản quy phạm pháp luật, đòi hỏi quá trình xây dựng, ban hành phải thực hiện theo trình tự chặt chẽ, điều này làm ảnh hưởng đến tiến độ tổ chức thực hiện Chương trình;

d) Hiện nay, chính sách hỗ trợ về lĩnh vực Việc làm và Giáo dục nghề nghiệp trong 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 cơ bản các đối tượng, nội dung hỗ trợ là giống nhau. Do đó, việc xây dựng chương trình, kế hoạch và triển khai thực hiện gặp khó khăn, dễ trùng lặp, chồng chéo, phân tán;

e) Về triển khai thực hiện Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn của Dự án 4:

- Các địa phương đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện công tác đào tạo nghề cho người lao động tại địa phương. Tuy nhiên, một số địa phương vẫn chưa mở được lớp đào tạo vì đối tượng tuyển sinh ngoài lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo còn có người lao động có thu nhập thấp, nhưng hiện nay chưa có hướng dẫn cụ thể của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về tiêu chí xác định như thế nào là người lao động có thu nhập thấp;

- Hiện nay, theo quy định tại khoản 1, Điều 5 Luật Giáo dục nghề nghiệp thì cơ sở giáo dục nghề nghiệp bao gồm: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp; Trường Trung cấp và Trường Cao đẳng; Tại khoản 1, Điều 44, Luật Giáo dục năm 2019 thì cơ sở giáo dục thường xuyên bao gồm: Trung tâm Giáo dục thường xuyên; Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; Trung tâm Học tập cộng đồng và Trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên.

Đối chiếu với các quy định trên thì các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp- Giáo dục thường xuyên không thuộc đối tượng thụ hưởng các nội dung về giáo dục nghề nghiệp thuộc Chương trình giai đoạn 2021-2025 (gồm hỗ trợ sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị...). Vì vậy, việc triển khai thực hiện Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp gặp rất nhiều khó khăn, nguồn lực lớn nhưng giới hạn về đối tượng, nội dung thực hiện.

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

Ngoài các nguyên nhân về điều kiện tự nhiên, điều kiện sản xuất, năng lực và trình độ nhận thức, tập quán sinh sống của đồng bào dân tộc thiểu số... còn có các nguyên nhân sau đây đã ảnh hưởng lớn đến kết quả thực hiện công tác giảm nghèo, đó là:

- Một số văn bản, chính sách mới ban hành nên gặp khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện;

- Nguồn lực của địa phương, của bản thân hộ nghèo tham gia đối ứng cùng với ngân sách hỗ trợ thấp hoặc chưa có;

- Đời sống của một số bộ phận người dân còn gặp nhiều khó khăn do trong hộ có đông khẩu, bệnh tật, người ngoài độ tuổi lao động... dẫn đến việc tạo việc làm, tăng thu nhập gặp khó khăn;

- Một số dự án, tiểu dự án đã xây dựng mô hình, danh mục nhưng chưa có quy định cụ thể về định mức kinh tế kỹ thuật, mức hỗ trợ nên ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thực hiện.

V. Kiến nghị, đề xuất

1. Kính đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

- Sớm trình Chính phủ về dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó có quy định cách xác định người có lao động thu nhập thấp như xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình để địa phương có thể triển khai thực hiện các nội dung đào tạo nghề thuộc Tiểu dự án 1- Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn của Dự án 4 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

- Nghiên cứu, tham mưu Chính phủ bổ sung cơ sở Giáo dục nghề nghiệp- Giáo dục thường xuyên là đối tượng được hỗ trợ của Chương trình để địa phương có cơ sở, căn cứ thực hiện.

2. Các sở, ngành, địa phương

- Tập trung thực hiện tốt các Nghị quyết của Chính phủ; Công điện, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết của HĐND tỉnh; các văn bản, Chỉ thị của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh liên quan việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ hoàn thành việc xây dựng, ban hành và trình ban hành các văn bản chỉ đạo điều hành, hướng dẫn thực hiện;

- Theo dõi, đôn đốc UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện các Dự án trên địa bàn, kịp thời tháo gỡ hoặc đề xuất UBND tỉnh, Bộ, ngành trung ương tháo gỡ khó khăn vướng mắc của địa phương để đảm bảo việc thực hiện các Dự án có hiệu quả, đúng quy định;

- Khẩn trương triển khai hoạt động các Dự án, Tiểu dự án được phân công chủ trì thực hiện. Tổng hợp, báo cáo kịp thời kết quả thực hiện các Dự án của Chương trình cho cơ quan Thường trực để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh;

- Thực hiện thu thập thông tin, tổng hợp, báo cáo giám sát và đánh giá định kỳ và đột xuất theo đúng quy định tại Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

- Tổ chức triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của HĐND tỉnh.

VI. Giải pháp, định hướng thực hiện trong năm 2024

1. Tổ chức triển khai thực hiện các Dự án, Tiểu Dự án, chính sách giảm nghèo thường xuyên, tín dụng chính sách xã hội hỗ trợ giảm nghèo

Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ các chính sách giảm nghèo, các dự án liên quan đến người nghèo, hộ nghèo, tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản; hỗ trợ hộ nghèo, người nghèo vốn sản xuất, nhà ở, hỗ trợ dạy nghề, tạo việc làm để người nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững; triển khai thực hiện các mô hình giảm nghèo bền vững tại các địa phương, hàng năm đánh giá nhân rộng mô hình giảm nghèo có hiệu quả.

Tập trung, ưu tiên nguồn lực theo hướng ưu tiên các Chương trình, Dự án mang lại hiệu quả cao như tạo việc làm, hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế nhân rộng mô hình giảm nghèo,... lồng ghép hoạt động tín dụng chính sách xã hội với hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao khoa học công nghệ.

2. Chỉ đạo, điều hành, phối hợp tổ chức nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình

Thực hiện cơ chế phân cấp, trao quyền cho địa phương, cơ sở; tăng cường sự tham gia của người dân trong suốt quá trình xây dựng và thực hiện Chương trình. Khuyến khích và mở rộng hoạt động tạo việc làm công cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người dân trên địa bàn thông qua các Dự án, Tiểu Dự án thuộc Chương trình, nhất là các Dự án đa dạng hóa sinh kế, mô hình giảm nghèo và Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

3. Quán triệt, tuyên truyền nâng cao nhận thức về giảm nghèo đa chiều bền vững

Đẩy mạnh, đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội, nhất là người dân nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong giảm nghèo bền vững; phát huy mạnh mẽ truyền thống đoàn kết, tinh thần “tương thân, tương ái”, khơi dậy ý chí tự lực, tự cường của người nghèo, chủ động vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỷ lại vào sự giúp đỡ của Nhà nước và xã hội.

4. Kiện toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác giảm nghèo: Nâng cao năng lực đội ngũ những người làm công tác giảm nghèo, những người tham gia thực hiện các nội dung của Chương trình để hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, hỗ trợ người dân nâng cao năng lực. Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh cho các đối tượng trực tiếp tham gia thực hiện các dự án của Chương trình.

5. Chỉ đạo quyết liệt, đưa ra các tiến độ cụ thể; tập trung các giải pháp khắc phục những vướng mắc, khó khăn nhất là các thủ tục, hồ sơ thực hiện dự án đầu tư

phát triển. Thực hiện hiệu quả các nội dung của Chương trình, khuyến khích các hoạt động tạo việc làm, tăng thu nhập cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng; hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế, mô hình giảm nghèo, giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

6. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các cơ quan chức năng nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm của các ngành, các cấp trong công tác quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện các hoạt động giảm nghèo tại địa phương, kịp thời điều chỉnh hoặc kiến nghị điều chỉnh những điểm bất hợp lý về chính sách, kế hoạch và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật. Khen thưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong tổ chức thực hiện.

B. KẾ HOẠCH CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHIÈO BỀN VỮNG NĂM 2024

I. Bối cảnh xây dựng kế hoạch 2024

Năm 2024 là năm thứ 4 thực hiện mục tiêu của các kế hoạch 5 năm về phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công trung hạn. Là năm then chốt, tăng tốc phấn đấu để thực hiện thành công các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công 5 năm giai đoạn 2021-2025. Trong bối cảnh kinh tế - xã hội của tỉnh có nhiều thuận lợi đan xen nhiều khó khăn, thách thức, tỷ lệ hộ nghèo còn 3,56%, số lượng xã có tỷ lệ hộ nghèo cao trên 25% còn cao, số hộ nghèo và hộ cận nghèo không có khả năng lao động còn nhiều, nhóm hộ này được xác định là nhóm hộ không thể thoát nghèo, cần có chính sách hỗ trợ lâu dài; đồng thời tình hình thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu còn diễn biến phức tạp, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh còn phụ thuộc vào tình hình biến động trong nước và thế giới, gây nhiều khó khăn cho cuộc sống người dân, nhất là nhóm đối tượng yếu thế, trong đó có người nghèo.

Để thực hiện thành công mục tiêu đến năm 2025, Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương theo tinh thần Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Một trong các chỉ tiêu cần đạt được đến năm 2025 là tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều giảm còn 1,84%. Điều này đặt ra yêu cầu cấp bách tỉnh Thừa Thiên Huế phải chỉ đạo quyết liệt, có các giải pháp đồng bộ và sáng tạo, huy động toàn bộ hệ thống chính trị vào cuộc, huy động tối đa các nguồn lực của trung ương, địa phương, cộng đồng và người dân, các nguồn xã hội hoá khác để thực hiện thành công mục tiêu giảm nghèo đến 2025.

II. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững; giảm dần khoảng cách giàu nghèo giữa các địa phương; hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo mới; hỗ trợ người nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản (việc làm, giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, thông tin). Nâng cao chất lượng cuộc sống, cải thiện điều kiện sống của người nghèo, gắn các mục tiêu giảm

nghèo với tiêu chí xây dựng nông thôn mới; các chính sách an sinh xã hội và chương trình đào tạo nghề cho người lao động nông thôn gắn với giải quyết việc làm sau đào tạo và đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, hướng dẫn hộ nghèo cách làm ăn, tạo môi trường thuận lợi cho hộ nghèo phát triển kinh tế, tiến tới giảm nghèo bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

- Phần đầu tỷ lệ hộ nghèo chung toàn tỉnh giảm còn 1,76%, trong đó tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm từ 3% trở lên; tỷ lệ hộ nghèo tại các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao trên 25% giảm từ 4% trở lên;

- 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế;

- Phần đầu tối thiểu 1.000 hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ nhà ở, đảm bảo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững;

- 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm;

- Đảm bảo 100% người lao động có nhu cầu học nghề được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, kỹ năng; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 72,5%; có khoảng 2.050 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (trong đó phần đầu có 5% hộ nghèo, hộ cận nghèo);

- 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định;

- 95% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; ít nhất 80% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh;

- Phần đầu 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng dịch vụ viễn thông, internet;

- 90% các hộ gia đình sinh sống địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua các sản phẩm truyền thông.

III. Nội dung hoạt động và đề xuất kinh phí thực hiện Chương trình

Căn cứ Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND). Dự kiến tổng vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 tỉnh Thừa Thiên Huế là **352,799 tỷ đồng**, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 304,015 tỷ đồng (Vốn đầu tư phát triển là 129,138 tỷ đồng, vốn sự nghiệp là 174,877 tỷ đồng).

- Ngân sách địa phương, xã hội hoá: 48,784 tỷ đồng (Vốn đầu tư phát triển là 25,356 tỷ đồng, vốn sự nghiệp là 23,428 tỷ đồng).

- Vốn huy động hợp pháp khác: 0 tỷ đồng (ghi rõ nguồn huy động).

(Phụ lục nội dung các dự án, tiểu dự án đính kèm)

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 và dự kiến Kế hoạch năm 2024, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ LĐ-TB&XH (để b/c);
- Văn phòng quốc gia về giảm nghèo;
- Các Sở: Tài chính; KH&ĐT; Thông tin và Truyền thông; Xây dựng; Nông nghiệp và PTNT; Y tế; Giáo dục và Đào tạo; Tư pháp;
- UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế;
- Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh; BHXH tỉnh;
- Lưu: VT, VPGN.

GIÁM ĐỐC

Đặng Hữu Phúc